



Bài báo nghiên cứu TỤC NGỮ TRONG TIỂU THUYẾT *NGƯỜI CON GÁI VIÊN ĐẠI ÚY* (A. S. PUSHKIN) QUA BẢN DỊCH CỦA CAO XUÂN HẠO

Vũ Thường Linh

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Vũ Thường Linh – Email: vuthuonglinh@gmail.com

Ngày nhận bài: 03-10-2022; ngày nhận bài sửa: 14-11-2022; ngày duyệt đăng: 24-11-2022

TÓM TẮT

Bài viết đề cập vấn đề chuyển dịch văn xuôi của A. S. Pushkin sang tiếng Việt; trong đó đặc biệt chú ý đến những câu tục ngữ Nga - một thể loại của văn học dân gian - được lồng ghép một cách tự nhiên trong phát ngôn của các nhân vật ở tiểu thuyết Người con gái viên đại úy như một phương tiện soi tỏ tính cách của quý tộc Nga, lòng trung thành của họ đối với nghĩa vụ, tấm lòng khoan dung, tinh thần hào hiệp, cũng như thể hiện nét độc đáo của ngôn ngữ nhân vật. Tục ngữ còn đảm nhận vai trò là những lời đề từ, thể hiện chủ đề, tư tưởng của thiên tiểu thuyết. Nhằm truyền đạt được tính hình tượng và ý nghĩa sâu xa của các câu tục ngữ Nga, dịch giả đã vận dụng nhiều phương thức trong quá trình chuyển ngữ: lựa chọn trong tiếng Việt những đơn vị tương đương, xây dựng các cấu trúc mang hình tượng của tục ngữ, dịch mô phỏng, dịch thoát ý. Cách thức chuyển ngữ như vậy giúp người đọc nhận diện được tục ngữ trong văn bản gốc, đồng thời đảm bảo được tính chính xác của bản dịch.

Từ khóa: tính tương đương; ngữ cảnh; thành ngữ; tục ngữ; văn phong; bản dịch

1. Mở đầu

A. S. Pushkin (1799-1837) là người đặt những viên gạch đầu tiên xây nên tòa lâu đài tráng lệ của văn học Nga. Ông là nhà thơ của hiện thực, nhà văn-nghệ sĩ biết kết hợp sự thật trong việc phản ánh đời sống thực tại với cách diễn đạt đặc biệt đầy thi vị, với vẻ đẹp chân thực tuyệt vời. “Vàng dương của thi ca Nga” đã ngủ yên từ lâu, nhưng đến tận ngày nay, những kiệt tác mẫu mực của ông vẫn còn sức lôi cuốn với các nhà nghiên cứu khắp các châu lục.

Người con gái viên đại úy là tác phẩm lớn hoàn thiện cuối cùng bằng văn xuôi của Pushkin, đỉnh cao trong sáng tác của Pushkin – nhà văn. Tác phẩm viết về cuộc khởi nghĩa nông dân do Yemelyan Pugachev lãnh đạo. Đây là sự kiện diễn ra từ năm 1773 đến 1775, từng làm rung chuyển nước Nga. Cuốn tiểu thuyết được xây dựng dưới dạng hồi kí của viên

Cite this article as: Vu Thuong Linh (2022). Proverbs in a.s. Puskin’s novel The Captain’s Daughter (A. S. Pushkin) through the translation of Cao Xuan Hao. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(11), 1902-1910.

sĩ quan Pyotr Grinyov, chứng nhân của cuộc bạo loạn do Pugachev đứng đầu, người đứng trong hàng ngũ quân triều đình ngăn cản bước tiến của quân khởi nghĩa. Tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* là tác phẩm được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trong số các sáng tác của Pushkin. Trước khi tác phẩm được chuyển ngữ sang tiếng Việt, nó đã được dịch hơn 200 lần bằng 37 ngôn ngữ trên thế giới: tiếng Thụy Điển, Đan Mạch, Anh, Pháp, Sec-Slovakia, Hà Lan, Tây Ban Nha, Hungari, Bungari, Nhật Bản, Trung Quốc... Bản dịch tiếng Việt của tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* được xuất bản tại Hà Nội năm 1960 do giáo sư Cao Xuân Hạo chuyển ngữ từ bản tiếng Pháp. Sau này, dịch giả tiếp cận nguyên bản tiếng Nga và hoàn thiện bản dịch đầu tiên.

Một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm của chúng tôi khi đối chiếu bản dịch tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* với nguyên tác là vấn đề truyền tải tới độc giả nước ngoài nội dung cốt lõi của những câu tục ngữ Nga. Theo *Từ điển bách khoa thuật ngữ và khái niệm văn học* do Viện Hàn lâm khoa học Nga ấn hành, “Tục ngữ là thể loại của văn học dân gian, là châm ngôn mang tính hình tượng, về hình thức thường có nhịp điệu, chứa đựng đạo lí thường tình và mang ý nghĩa giáo huấn” (Nikolyukin, 2001, p.763). Tục ngữ gắn với lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân, sử dụng xen kẽ với lời nói thông thường. Người ta không hát, không kể mà nói tục ngữ, làm cho lời nói đẹp hơn, sắc hơn, có ý nghĩa và tác dụng hơn.

Đối với người Việt, cuộc sống của người nông dân được phản ánh rõ nét trong những câu tục ngữ vô cùng hàm súc – tinh túy của nghệ thuật dân gian. Tục ngữ Việt Nam, cũng giống như tục ngữ Nga, không phải được sáng tác, mà sinh ra từ kinh nghiệm dân gian, gắn liền với sản xuất nông nghiệp, đời sống sinh hoạt. Tục ngữ không chỉ phản ánh đời sống và tập quán, tinh thần và tính cách dân tộc, mà còn cả lịch sử, truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tục ngữ phản ánh thế giới quan dân gian, gắn liền với vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, thế giới động thực vật. Phải làm sao để truyền tải tới độc giả Việt Nam nội dung cốt lõi của những câu tục ngữ Nga? Đây hoàn toàn không phải là nhiệm vụ đơn giản đối với một dịch giả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài viết là những câu tục ngữ Nga được sử dụng trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* của A. S. Pushkin.

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng là phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh đối chiếu. Văn bản được sử dụng để đối chiếu là bản dịch tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* do dịch giả Cao Xuân Hạo chuyển ngữ, thuộc tuyển tập tác phẩm (*Đu-brôp-ski. Người con gái viên đại úy*), Nhà xuất bản Văn hóa ấn hành năm 1960.

2.2. Kết quả và thảo luận

Trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy*, trước mỗi chương cũng như ở đầu tác phẩm đều có đính kèm một lời đề từ. Đó đều là những câu tục ngữ hay lời ca dân gian. Những câu tục ngữ đóng vai trò lời đề từ của toàn tác phẩm (“Hãy giữ gìn danh dự từ khi

còn trẻ trung”), lời đề từ các chương VIII (“Khách không mời còn tẻ hơn một tên giặc tặc ta”) và XIV (“Miệng thế gian như làn sóng bể”). Những lời đề từ ấy với hình thức câu châm ngôn ngắn thể hiện mâu thuẫn chính, chủ đề, tư tưởng hay tinh thần của tác phẩm, giúp người đọc tiếp nhận tác phẩm dễ dàng hơn. Lời đề từ mang tất cả những đặc điểm của một trích đoạn, tái hiện một hình tượng phức tạp, có sức tác động đến sự tiếp nhận tương đương với cả ngữ cảnh mà lời đề từ đó được trích ra. Lời đề từ trong tác phẩm của Pushkin còn đóng vai trò trình bày, dẫn truyện, dẫn dắt hành động, giới thiệu nội dung của từng chương nói riêng, cũng như toàn bộ tác phẩm nói chung, giúp người đọc hình dung được cốt truyện, hiểu được hành động của nhân vật và các sự kiện được kể.

Tục ngữ chiếm vị trí đáng kể trong hệ thống từ vựng của thiên tiểu thuyết. Những “từ ngữ đẹp” đó đóng vai trò thể hiện đặc tính, lí giải nét đặc sắc về ngôn ngữ của các nhân vật xuất thân từ quần chúng. Chúng ta có thể thấy trong lời nói của các nhân vật như ông Andrey Grinyov – cha của Piotr Grinyov, ông trưởng đồn Belogor, hay vị lãnh tụ quân khởi nghĩa Pugachev... tràn ngập các câu tục ngữ. Những diễn đạt hình tượng và hàm súc đó được sử dụng trong phát ngôn của các nhân vật một cách tự nhiên như hơi thở, làm cho ngôn ngữ của họ biểu cảm hơn, có tác động sâu sắc tới người nghe.

Khảo sát bản Việt ngữ do Cao Xuân Hạo thực hiện, chúng tôi nhận thấy dịch giả sử dụng linh hoạt nhiều phương thức nhằm truyền tải tới người đọc nội dung cốt lõi của những câu tục ngữ Nga.

• Lựa chọn trong tiếng Việt những đơn vị tương đương

Dịch giả cố gắng lựa chọn trong tiếng Việt những đơn vị tương đương sao cho phù hợp nhất với từng ngữ cảnh cụ thể. Trước tiên, dịch giả sử dụng những câu tục ngữ Việt có ý nghĩa tương đương với tục ngữ Nga.

Ở chương IV của tác phẩm kể về một tình huống không mong muốn trong đời sống quân nhân của chàng trai trẻ Piotr Grinyov – cuộc cãi vã với một sĩ quan trong đồn tên là Svabrin, kết cục dẫn đến một cuộc đọ kiếm. Grinyov đề nghị Ivan Ignatich làm chứng. Ông lão chột mắt mang bộ quân phục cũ kĩ chỉ là một nhân vật phụ nhưng cũng rất đáng chú ý bởi ông là đại diện cho thế hệ “bô lão”. Lời nói của ông đầy biểu cảm nhờ những câu tục ngữ:

Thôi, tôi xin cậu! Cậu bày đặt ra làm gì những trò ấy? Cậu với ông Alechxay Ivanovich có cãi nhau à? To chuyện nhỉ? Chửi bới nhau thì cũng như *nước đổ đầu vịt*. Svabrin chửi cậu, cậu lại chửi Svabrin, hấn thụi cậu một quả vào mặt, cậu lại bóp hấn một bóp vào tai, rồi mỗi người đi mỗi ngả và chúng tôi sẽ hòa giải hai người. Còn cứ muốn đâm thủng ruột kẻ đồng loại như thế, thì xin hỏi: có hay ho gì không?... (Pushkin, 1960, p.152);

“Thế có phải hơn không? *Một điều nhịn chín điều lành* mà. Nhịn nhục một tí mà sống khỏe mạnh có hơn không?” (Pushkin, 1960, p.154).

Ông lão đánh giá cuộc cãi vã giữa Grinyov và Svabrin theo một cách riêng – không phải nói thẳng mà là nói bóng gió khi sử dụng các câu tục ngữ: “Брань на воротах не виснет” và “Худой мир лучше доброй ссоры, а и нечестен, так здоров”. Cao Xuân Hạo lựa chọn

câu thành ngữ Việt “Nước đổ đầu vịt” và câu tục ngữ “Một điều nhìn chín điều lành” để chuyển ngữ hai câu tục ngữ Nga. Đồng thời, dịch giả đưa vào phần chú giải phiên bản dịch mô phỏng câu tục ngữ Nga². Theo chúng tôi, cách thức chuyển ngữ như vậy giúp người đọc hình dung được câu tục ngữ gốc trong nguyên bản, đồng thời hiểu được ý nghĩa câu tục ngữ đó nhờ có đơn vị tương đương trong tiếng Việt.

Trong số các nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, chúng tôi nhận thấy lời nói của nhân vật Pugachev cũng tràn ngập những câu tục ngữ. Pugachev chính là người dẫn đường đưa chàng trai Grinyov đến quán trọ giữa cơn bão tuyết mịt mù trên thảo nguyên, và về sau trở thành vị lãnh tụ của phong trào khởi nghĩa nông dân. Ở chương XI (lần gặp gỡ thứ ba giữa Grinyov với Pugachev ở thôn Berda), Grinyov nhờ Pugachev giải cứu vị hôn phu của mình. Khi biết về hành vi tàn ác của tên sĩ quan phản bội Svabrin, kẻ đang giam giữ nàng Masa Mironovna tội nghiệp, Pugachev đã tỏ ra vô cùng giận dữ: “[...] Будь он семи пядень во лбу, а от суда моего не уйдет. Говори, кто виноватый?” (Pushkin, 1985, p.369) (bản dịch: “Dù hấn có *ba đầu sáu tay* cũng đừng hòng thoát khỏi trừng phạt. Người nói đi: đũa nào dám làm một việc khôn nạn như vậy? (Pushkin, 1960, p.222). Câu tục ngữ Nga “Будь он семи пядень во лбу” (nghĩa đen: Dù cho hấn có cái trán rộng 7 piad; nghĩa bóng: Dù cho hấn có thông minh, tài giỏi chừng nào) được dịch giả Cao Xuân Hạo chuyển ngữ bằng thành ngữ Việt “Ba đầu sáu tay”. Theo chúng tôi, phương án này có thể coi là phù hợp, bởi đã truyền tải được trí tuệ dân gian thể hiện qua câu tục ngữ Nga.

Đáp lời Grinyov về món quà tặng chàng trai trẻ (con ngựa và chiếc áo tulup), Pugachev sử dụng câu tục ngữ “Долг платежом красен” (tạm dịch: Nợ có trả thì nợ mới đẹp): “Có đi có lại mới toại lòng nhau chứ. Bây giờ anh nói rõ cho ta nghe: làm sao anh lại phải chú ý đến người con gái đang bị Svabrin ức hiếp đến thế? Chắc cô ấy đã làm rung động tâm lòng trai trẻ kia chứ gì? Đúng không nào?” (Pushkin, 1960, p.225). Đây là lời Pugachev nói với Grinyov không phải với tư cách người nông dân kozak, mà là ở vị thế vị lãnh tụ phong trào nông dân. Chính chiếc áo tulup lông thỏ và cốc rượu vang nơi quán trọ mà Grinyov tặng Pugachev trong những tháng ngày ông còn đang tập hợp lực lượng đã làm Pugachev cảm kích. Để đền đáp lại tấm lòng của chàng trai quý tộc, ông sẵn sàng giúp đỡ ân nhân của mình. Hành động này cho thấy Pugachev là người trọng nghĩa. Câu tục ngữ Nga được chuyển dịch bằng đơn vị tương đương trong tiếng Việt: “Có đi có lại mới toại lòng nhau”. Ở nội dung ghi chú, dịch giả mô phỏng lại câu tục ngữ Nga³ nhằm giúp người đọc nhận diện được tục ngữ trong nguyên tác, đồng thời hiểu được ý nghĩa câu tục ngữ Nga.

Quay trở lại với những câu tục ngữ đóng vai trò lời đề từ của toàn tác phẩm (“Береги честь смолоду” - “Hãy giữ gìn danh dự từ khi còn trẻ trung”), lời đề từ các chương VIII (“Незванный гость хуже татарина” - “Khách không mời còn tệ hơn một tên giặc tặc ta”) và

² Nguyên văn của hai câu tục ngữ trên trong nguyên tác theo chú giải của Cao Xuân Hạo: “Một câu chửi cũng chả ai phải đeo mãi trên cổ” (p.152); “Một sự thuận hòa xấu còn hơn một cuộc xích mích tốt” (Pushkin, 1960, p.154).

³ Chú giải của Cao Xuân Hạo: “Nợ có trả thì nợ mới đẹp” (Pushkin, 1960, p.225).

chương XIV (“Мирская молва – Морская волна” - “Miệng thế gian như làn sóng bể”), có thể thấy chỉ câu tục ngữ “Мирская молва – Морская волна” tìm được đơn vị tương đương trong tiếng Việt “Miệng thế gian như làn sóng bể”. Trong trường hợp này, dịch giả Cao Xuân Hạo dường như đang đưa tác giả được chuyển ngữ vào văn hóa Việt Nam, tìm thấy câu tục ngữ Việt tương đương với tục ngữ Nga cả về ý nghĩa lẫn cấu trúc, thể hiện sự tương đồng trong thế giới quan của hai dân tộc khác biệt về văn hóa.

- **Xây dựng cấu trúc mang hình tượng của tục ngữ**

Khi phân tích các phương thức chuyển ngữ tục ngữ Nga sang tiếng Việt, chúng tôi nhận thấy dịch giả hướng đến khôi phục những đặc trưng của văn phong Pushkin, vì vậy đã xây dựng cấu trúc mang hình tượng của tục ngữ nhằm bảo toàn tính hình tượng và dung lượng ngữ nghĩa của các câu tục ngữ gốc. Tiêu biểu là trường hợp câu tục ngữ “Из огня да в полымя” (nghĩa đen: Tránh ngọn lửa lại rơi vào đám cháy; nghĩa bóng: Tránh vò dừa lại gặp vò dừa, Tránh hùm mắc hổ). Câu này được dùng trong lời lão nô bộc Xavelich khi bị lính của Zurin giữ lại trên đường đi khỏi đồn Belogor cùng Grinyov và Masa Mironova (chương XIII): “Đấy bạn đỡ đầu của đức vua mãi nữa đi! Thật là tránh lửa than lại gặp lửa ngọn... Lạy Chúa! Không biết rồi rốt cục sẽ ra sao nữa đây?” (Pushkin, 1960, p.241). Trong ngữ cảnh này, dịch giả đã xây dựng cấu trúc mang hình tượng tục ngữ “Tránh lửa than lại gặp lửa ngọn” nhằm chuyển tải cái hồn cùng cấu trúc hình tượng của câu tục ngữ Nga. Mặc dù vậy, phương thức chuyển ngữ này đã làm mất đi màu sắc cổ xưa được tạo nên bởi từ cổ “полымя”.

Một trường hợp khác là câu tục ngữ “Семь бед, один ответ” (nghĩa đen: Bảy tai vạ, một lần trả; nghĩa bóng: Dù sao cũng phải giải quyết một lần tất cả mọi chuyện) được người kể chuyện sử dụng khi nói về anh chàng “gia sư” người Pháp Bopre, vì những bê bối suốt thời gian đảm nhận trách nhiệm dạy dỗ Grinyov đã bị ông Andrey Grinyov đuổi ra khỏi nhà. Dịch giả Cao Xuân Hạo đã xây dựng cấu trúc “Bảy tội, một đền” nhằm chuyển tải ý nghĩa của câu tục ngữ Nga, đồng thời vẫn bảo toàn được màu sắc dân gian trong lời người kể chuyện. Ở nội dung ghi chú, dịch giả mô phỏng lại câu tục ngữ Nga giúp người đọc nhận diện tục ngữ trong nguyên tác⁴.

- **Dịch mô phỏng**

Chúng tôi đặc biệt chú ý tới những câu tục ngữ Nga không có đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Đối với nhóm tục ngữ này, trong một số ngữ cảnh, dịch giả Cao Xuân Hạo lựa chọn phương thức dịch mô phỏng.

Như đã giới thiệu ở trên, lời đề từ của tác phẩm là một phần của câu tục ngữ “Береги платье снову, а честь – смолоду” (nghĩa bóng trong tiếng Nga: Giữ áo từ lúc lành, giữ danh từ lúc trẻ). Những từ ngữ hàm súc này thể hiện tư tưởng chủ đạo và tinh thần của tập “bút kí” của Grinyov. Ý thức giữ gìn danh dự từ khi còn trẻ tuổi một lần nữa được nhấn

⁴ Chú giải của Cao Xuân Hạo: “Tục ngữ Nga, ý nói: xưa nay bao nhiêu tội lỗi, nhân việc này trị luôn một thể” (Pushkin, 1960, p.118).

manh trong lời tiễn biệt của ông Andrey Grinyov dành cho con trai trước khi lên đường vào quân ngũ: “Прощай, Петр. Служи верно, кому присягнешь; слушайся начальников; за их лаской не гоняйся; на службу не напрашивайся; от службы не отговаривайся; и помни пословицу: береги платье снову, а честь смолоду” (Pushkin, 1985, p.9) (trong bản dịch: “Con đi đi nhé. Con phải phụng sự cho trung thành Đức vua mà con sẽ tuyên thệ; con phải tuân lệnh cấp trên; đừng có nịnh nọt, xin xỏ gì họ; đừng có xin thêm việc mà cũng đừng lẩn tránh công việc; phải nhớ lấy câu châm ngôn: phải giữ gìn áo quần từ khi hãy còn mới, phải giữ gìn danh dự từ khi hãy còn trẻ trung” (Pushkin, 1960, p.121)). Trong cả hai trường hợp (lời đề từ và lời nhân vật), dịch giả đều sử dụng phương thức dịch mô phỏng. Tính hàm súc của câu tục ngữ dường như bị nhạt nhòa, tuy nhiên, câu tục ngữ Nga không hề bị biến thành một cấu trúc khô khan với sự lắp ghép các từ ngữ cấu thành nó, bởi dịch giả vẫn truyền tải được lời răn dạy của dân gian về việc giữ gìn nhân cách con người trước mọi thử thách, thể hiện được niềm mong mỏi, hi vọng của người cha gửi gắm nơi đứa con trai sẽ là một sĩ quan tương lai trong hàng ngũ phụng sự Nữ hoàng.

Câu tục ngữ “Незванный гость хуже татарина” (lời đề từ của chương VIII) (tạm dịch: Khách không mời mà đến tệ hơn một tên giặc tatar) cũng được chuyển ngữ bằng phương thức dịch mô phỏng – “Một người khách bất đắc dĩ còn tệ hơn một tên giặc tatarin” là nhằm phác họa chân thực hình tượng chính của câu tục ngữ gốc. Chúng tôi nhận thấy trong câu tục ngữ gốc, “татарин” là từ ngữ gọi tên một thành tố văn hóa, gắn liền với một thời kì lịch sử của nước Nga, đòi hỏi phải được chú giải kĩ lưỡng để người đọc Việt Nam có thể hiểu rõ, bởi không phải độc giả thế hệ nào cũng có thể hiểu rõ về lịch sử Nga. Tuy nhiên, từ ngữ này chỉ được chuyển dịch bằng phương thức phiên âm sang tiếng Việt.

Phương thức dịch mô phỏng cũng được dùng trong trường hợp chuyển ngữ các câu tục ngữ: “Лошади чужие, хомут не свой, погоняй не стой” (ngựa của người khác, cương thắng cũng chẳng phải của mình, cứ tha hồ đánh cho chạt bạt mạng đầy phồng?) (chương II, lời người đánh xe của Grinyov), “Зашел к куме, да засел в тюрьме” (đến nhà bạn đỡ đầu mà hóa ra chui đầu vào ngục – chương II, lời lão bộc Xavelich), “Конь и о четырех ногах, да спотыкается” (ngựa đi bốn cẳng còn có khi vấp – lời lão bộc Xavelich). Câu tục ngữ “Конь и о четырех ногах, да спотыкается” được lão bộc Xavelich dùng hai lần, trong bức thư gửi ông chủ Andrey Grinyov (ở chương V) và trong cuộc nói chuyện với Pugachev (ở chương IX).

Câu tục ngữ “Казнить так казнить, жаловать так жаловать” trong lời nói của Pugachev (ở chương VIII) là một trường hợp khác được chuyển ngữ bằng phương thức mô phỏng. Khi gặp lại Grinyov ở đồn Belogor, vị thủ lĩnh quân phiến loạn đề nghị chàng sĩ quan trẻ phụng sự cho mình. Grinyov đã thể hiện rõ lòng trung thành với Nữ hoàng, danh dự của người quý tộc trong lời chối từ thẳng thắn:

Как могу тебе в этом обещаться? - отвечал я. - Сам знаешь, не моя воля: велют идти против тебя - пойду, делать нечего. Ты теперь сам начальник; сам требуешь повиновения от своих. На что это будет похоже, если я от службы откажусь, когда служба моя понадобится? Голова моя в твоей власти: отпустишь меня - спасибо; казнишь - бог тебя судья; а я сказал тебе правду” (Pushkin, 1985, p.50) (trong bản dịch: Làm sao tôi có thể hứa với ông như vậy được? Chính ông cũng biết rằng cái đó có phải tự ý tôi quyết định được đâu. Nếu họ ra lệnh tôi đi đánh ông, tôi sẽ đi, không có cách nào khác. Bây giờ chính ông cũng là một cấp chỉ huy; chính ông cũng đòi hỏi quân lính của ông phục tùng mệnh lệnh. Khi quân đội đang cần đến tôi, mà tôi lại thoái thác, thì còn ra cái gì nữa. Tính mạng của tôi hiện ở trong tay ông: ông thả cho tôi đi, xin cảm ơn ông, ông giết tôi, trời sẽ phán xét ông, còn tôi thì tôi đã nói thật với ông rồi đấy. (Pushkin, 1960, p.199-200)).

Đáp lại lời từ chối thành thực của Grinyov, Pugachev cũng thể hiện sự khoan dung của mình: “Казнить так казнить, миловать так миловать. Ступай себе на все четыре стороны и делай что хочешь. Завтра приходи со мною проститься, а теперь ступай себе спать, и меня уж дрема клонит” (Pushkin, 1985, p.50-51) (trong bản dịch: “Đã giết là giết, đã tha là tha. Người hãy đi khắp bốn phương trời, muốn làm gì thì làm. Mai hãy đến đây từ giã ta, còn bây giờ hãy về ngủ đi đã, ta cũng buồn ngủ lắm rồi” (Pushkin, 1960, p.200)). Rõ ràng, những câu tục ngữ mang lại cho ngôn ngữ của Pugachev nét đặc trưng riêng với màu sắc dân gian, tính biểu cảm, hàm súc, thể hiện khí phách của người anh hùng áo vải. Câu tục ngữ “Казнить так казнить, миловать так миловать” (nghĩa đen: Giết thì giết, tha thì tha; nghĩa bóng: Mở lượng khoan hồng) dù không tìm được đơn vị tương đương trong tiếng Việt nhưng nhờ phương thức dịch mô phỏng vẫn bảo toàn được tính hàm súc, tính thuyết phục. Người đọc vẫn cảm nhận được lòng khoan dung, quảng đại của người anh hùng áo vải Pugachev.

- **Dịch thoát ý**

Phương thức dịch thoát ý được vận dụng cho các câu tục ngữ: “Кто ни поп, тот батька” và “С лихой собаки хоть шерсти клок”.

Gặp lại Grinyov ở đồn Belogor khi quân khởi nghĩa chiếm đồn (chương VIII), Pugachev đã có cuộc trò chuyện quan trọng với Grinyov sau bữa tiệc khao quân. Vị thủ lĩnh quân phiến loạn đã đề nghị chàng trai trẻ Grinyov phụng sự ông ta trung thành ngay thẳng:

Так ты не веришь, - сказал он, - чтоб я был государь Петр Федорович? Ну, добро. А разве нет удачи удалому? Разве в старину Гришка Отрепьев не царствовал? Думай про меня что хочешь, а от меня не отставай. Какое тебе дело до иного-прочего? Кто ни поп, тот батька. Послужи мне верой и правдою, и я тебя пожалую и в фельдмаршалы и в князья. Как ты думаешь? (Pushkin, 1985, p.50). Bản dịch: Thế người không tin rằng ta là đức vua Piotr Phiodorovich ư? Thôi được, tùy người, nhưng chả nhẽ người đừng sĩ lại không thể thành công bao giờ sao? Ngày xưa, Grisa Otorepiep chẳng đã lên ngôi là gì? Người muốn nghĩ thế nào về ta thì nghĩ, nhưng hãy đi theo ta. Người cần gì so đo vua này hay vua khác? Vua nào mà chả là vua. Người phụng sự ta cho trung thành ngay thẳng, rồi ta sẽ phong người làm nguyên soái, làm quận công, người nghĩ sao?” (Pushkin, 1960, p.199).

Trong ngữ cảnh này, câu tục ngữ “Кто ни поп, тот батька” (nghĩa đen: Ai không phải cha cố thì cũng là linh mục; nghĩa bóng: Cha cố cũng mặc, hay Ông trời cũng mặc) được Cao Xuân Hạo chuyển ngữ bằng phương thức dịch thoát ý: “Vua nào mà chẳng là vua”. Ở nội dung chú thích, dịch giả chỉ rõ cấu trúc mô phỏng của câu tục ngữ Nga⁵, giúp người đọc nhận diện câu tục ngữ nguyên gốc.

Câu tục ngữ “С лихой собаки хоть шерсти клок” (chương IX) (nghĩa đen: Chó dại vẫn phải lấy ít lông; nghĩa bóng: Chẳng được cái trăm cái chép, cũng được cái tép cái tôm) thể hiện thái độ của lão bộc Xavelich đối với “món quà” Pugachev gửi tặng Grinyov – con ngựa và chiếc áo tulup: “Đấy cậu thấy không? Tôi đưa cho thằng ăn cướp ấy tờ giấy tính tiền thế mà cũng không uống công: hấn cũng đâm ngựa; tuy cái con ngựa cao lêu đêu này với cái áo tulup lông cừu, giá không được một nửa những thứ mà bọn hấn ăn cướp của ta với cái áo cậu cho hấn, nhưng thôi, cũng được, còn hơn không có” (Pushkin, 1960, p.206). Dịch giả sử dụng cấu trúc: “còn hơn không có”. Theo chúng tôi, trong ngữ cảnh này, câu tục ngữ Nga đã trở thành một cấu trúc khô khan, mất đi hoàn toàn đặc trưng thể loại – tính hàm súc, tính châm ngôn, sắc thái tu từ.

3. Kết luận

Đánh giá được chức năng nghệ thuật của tục ngữ trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* giúp độc giả nhận thức được nét đặc sắc về thể loại của một tác phẩm mang hình thức cuốn hồi kí của người quý tộc Piotr Grinyov – một kỉ vật gia truyền mà ông để lại cho các thế hệ con cháu. Việc truyền tải cái hồn của kỉ vật ấy cũng như tái hiện lại đời sống dân gian, tính cách dân gian, tính hình tượng của tư tưởng dân gian trong một thời kì đau thương của lịch sử nước Nga đòi hỏi một văn phong, một cách dụng ngôn đặc biệt. Phân tích bản dịch của dịch giả Cao Xuân Hạo, chúng tôi nhận thấy phương thức tối ưu là truyền tải những câu tục ngữ Nga bằng các đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Phương thức dịch mô phỏng hay xây dựng cấu trúc mang hình tượng của tục ngữ không phải ở ngữ cảnh nào cũng đảm bảo được tính chính xác tuyệt đối của bản dịch. Phương thức dịch thoát ý chỉ giúp độc giả Việt Nam hiểu được ý nghĩa chung của câu tục ngữ Nga, tuy nhiên câu tục ngữ gốc sẽ trở thành một cấu trúc khô khan, mất đi hoàn toàn sắc thái văn phong vốn có. Trong một vài trường hợp, việc kết hợp các phương thức cũng là một cách xử lí thông thái của dịch giả, giúp người đọc nhận diện được câu tục ngữ gốc và đảm bảo tính tương đương của bản dịch.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

⁵ Chú giải của Cao Xuân Hạo: “Không cố đạo thì cũng là linh mục” (Pushkin, 1960, p.199).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dal, V. I. (2007). *Tục ngữ của nhân dân Nga [Proverbs of Russian national]*. Moscow: Russian language Publishing House. Medial.
- Mamonov, A. I. (1979). “*Nguoi con gai vien dai uy*” hay “*Nhat ki của nang buom dang mo tuong ve hon hoa*” (*Pushkin o Nhat Ban*) [“*The captain’s daughter*” or “*The diary of the butterfly, who is thinking about flower’s*” (*Pushkin in Japan*)]. AN.SSSR. Ser.lit.lang. Ep. 38, No.3. p.196-206.
- Nikolyukin, A. N. (2001). *Tu dien bach khoa toan thu thuat ngu va khai niem van hoc [Literary Encyclopedia of terms and concepts]*. Moscow: NPK “Intelvak”.
- Pushkin, A. S. (1960). *Dubrovsky. Nguoi con gai vien dai uy [Dubrovsky. The captain’s daughter]* (Translated by Cao Xuan Hao). Hanoi: Culture Publishing House.
- Pushkin, A. S. (1985). *Nguoi con gai vien dai uy [The captain’s daughter]*. (Литературные памятники). 320.
- Vũ, N. P. (1998). *Tục ngữ, ca dao, dân ca Viet Nam [Vietnamese proverbs, songs, folk songs]*. Hanoi: Social sciences Publishing House.

**PROVERBS IN A.S. PUSKIN’S NOVEL THE CAPTAIN’S DAUGHTER
(A. S. PUSHKIN) THROUGH THE TRANSLATION OF CAO XUAN HAO**

Vu Thuong Linh

University of Science and Education, Danang University, Vietnam

Corresponding author: Vu Thuong Linh – Email: vuthuonglinh@gmail.com

Received: October 03, 2022; Revised: November 14, 2022; Accepted: November 24, 2022

ABSTRACT

This article interpreted the problem of adequate translation of Pushkin’s prose to Vietnamese. The centre of attention is proverbs in AS ’Pushkin’s novel The ’Captain’s Daughter, which are means of understanding the nature of a Russian nobleman, his adherence to duty, benevolence, kindness, and generosity, stipulate for the peculiarity of the ’character’s discourse. Proverbs are also used as an epigraph to express a theme or idea of ’Pushkin’s novel. Translating the Russian proverbs into Vietnamese, the translator uses various methods to conserve the imagery and the semantic load of the original paremiias: choosing Vietnamese equivalents and analogues, creating graphic expressions, replication, transfer the general meaning of the parable. This approach allows the reader to know the text’s proverb and promotes the translation’s equivalence.

Keywords: equivalence; context; idioms; proverb; style; translation